

Đề bài

Phân tích ý nghĩa tư tưởng và
nét đặc sắc nghệ thuật trong
truyện ngắn

Ợ nhặt

của Kim Lân.

Bài làm

Từ đầu năm 1940, phát xít Nhật nhảy vào Đông Dương. Nhân dân Việt Nam lâm vào tình thế một cổ hai tròng. Thực dân Pháp tăng cường vơ vét bóc lột, tích trữ lương thực, tiếp tục thực hiện chiến tranh. Nhật bắt nhân dân miền Bắc nhổ lúa trồng đay. Nạn vỡ đê mất mùa liên tiếp xảy ra. Đến mùa xuân năm Ất Dậu (1945), nhân dân ta lâm vào nạn đói khủng khiếp chưa từng có trong lịch sử, riêng ở đồng bằng Bắc Bộ đã có hai triệu người bị chết đói. Họ chết trên đường tha phương cầu thực, chết thê thảm bên gốc cây, hè đường, quán chợ... Trong hoàn cảnh đó, Mặt trận Việt Minh đã kêu gọi phá kho thóc của Nhật cứu đói cho dân nghèo và phát động họ vùng lên làm cuộc Cách mạng tháng Tám 1945.

Nỗi đau này làm xúc động giới văn nghệ sĩ và đã thể hiện trong không ít những tác phẩm của các tên tuổi như Nam Cao, Tố Hữu, Tô Hoài, Nguyễn Đình Thi... Bằng tài năng và một trái tim gắn bó xót thương đối với những kiếp người nông dân khôn khổ lam lũ, Kim Lân đã đóng góp một truyện ngắn có chiều sâu tư tưởng và giá trị nghệ thuật đặc sắc: *Vợ nhặt*.

Nội dung nghệ thuật *Vợ nhặt* hết sức đơn giản. Tác phẩm được xây dựng theo diễn biến tâm lí nhân vật. Đầu tiên, Kim Lân miêu tả cảnh Tràng, một nông dân thô kệch đưa vợ về nhà. Tiếp theo, nhà văn đề cho Tràng nhớ lại việc mình “nhặt” được vợ, và cuối cùng là tâm trạng của mọi người trong gia đình, đặc biệt là tâm trạng của Tràng và bà cụ Tứ nhân việc gia đình có thêm một thành viên mới. Cốt truyện đơn giản, nhưng *Vợ nhặt* có nội dung tư tưởng sâu sắc.

Trước hết, qua truyện ngắn *Vợ nhặt*, nhà văn phản ánh sinh động tình cảm khôn khổ của nhân dân ta trong nạn đói khủng khiếp năm 1945 dưới chế độ thực dân phong kiến và tình cảm hướng về cách mạng của họ.

Ngay từ trang đầu tiên, Kim Lân đã dựng lên một bức tranh âm đạm: cái đói làm thay đổi cuộc sống vốn bình lặng của xóm ngụ cư. Cái đói làm cho bọn trẻ con *ngồi ủ rũ dưới những xô tường không buồn nhúc nhích*. Rộng hơn, cái đói khiến cho nhiều người *xanh xám như những bóng ma và nằm ngón ngang khắp lều chợ*. Bao trùm lên xóm ngụ cư này là một không khí chết chóc: *Người chết như ngã rạ. Không buổi sáng nào người trong làng đi chợ, đi làm đồng không gặp ba bốn cái thây nằm còng queo bên đường. Không khí vẫn lên mùi ẩm thối của rác rưởi và mùi gây của xác người. Lại thêm mùi đốt đống rấm ở những nhà có người chết theo gió thoảng vào khét lẹt*. Người ta nghe thấy *tiếng ai hờ khóc, tỉ tê lúc to lúc nhỏ và tiếng quạ gào lên từng hồi thê thiết...*

Ngoài ra, từ câu chuyện anh Tràng tự nhiên “nhặt” được vợ, (người đàn bà dễ dàng theo anh về làm vợ trước hết vì đói quá, bốn bát bánh đúc thay cả cho cheo cưới) đến chuyện nôi “chè” cám bà cụ Tứ nấu đãi nàng dâu... Tất cả đều nói lên sự khủng khiếp của nạn đói này. Mọi người

trong xóm ngụ cư khôn khó đều bị nạn đói đe dọa, sống trong không khí thấp thòm lo âu.

Cuộc sống đã bị cái đói đẩy đến đường cùng tưởng chừng như không còn lối thoát. Nhưng “cùng tắc biến”. Kết thúc câu chuyện, nhà văn đề cho người “vợ nhặt” thông báo với mẹ chồng về một tin quan trọng: “*Trên mạn Thái Nguyên, Bắc Giang người ta không chịu đóng thuế nữa đâu. Người ta còn phá cả kho thóc của Nhật, chia cho người đói nữa đấy*”. Nhân đó, Tràng nghĩ đến Việt Minh và trong óc Tràng vẫn thấy đám người đói và lá cờ đỏ bay phấp phới...

Trong hoàn cảnh đen tối này, Tràng, nói rộng ra là quần chúng khôn khổ, luôn hướng về cách mạng, vì chỉ có cách mạng (mà biểu tượng là lá cờ đỏ) mới có thể cứu họ thoát khỏi cảnh đói kém.

Ở truyện *Vợ nhặt*, Kim Lân đã thể hiện một quan điểm nhân đạo sâu sắc và cảm động khi phát hiện phẩm chất của người lao động: dù rơi vào hoàn cảnh hết sức bi đát, họ vẫn hướng tới cuộc sống gia đình, vẫn muốn cưu mang lẫn nhau, và vẫn hi vọng ở tương lai.

Tràng lấy vợ khiến bà cụ Tứ lo âu, tự hỏi liệu *chúng nó có nuôi nổi nhau qua được cơn đói khát này không?* Nghĩ đến hoàn cảnh cùng quẫn của gia đình mình, cụ thấy tủi thân, tủi phận. Cụ ý thức rất rõ lấy vợ cho con đáng lẽ phải thế này, thế nọ, nhưng “cái khó bó cái khôn” nên chỉ còn cách nghĩ ngợi mà tủi thân, tủi phận. Rồi cụ thương con, con dâu. Cụ hiểu rõ nguyên do vì sao “người ta” phải theo con mình. *Bà lão nhìn người đàn bà lòng đầy thương xót*, và nói với vợ chồng Tràng: “*Chúng mày lấy nhau lúc này, u thương quá...*” rồi nhe răng không nói được nữa và nước mắt cứ chảy xuống ròng ròng. Việc con “nhặt” được vợ vừa là nỗi lo, vừa là niềm vui mừng của bà lão, mừng vì người con thô lậu, quê kệch đã có vợ. Lo vì cái đói, cái chết đang rình rập. Dầu sao thì bà vẫn mừng nhiều hơn. Niềm vui khiến cho *cái mặt bủng beo u ám của bà lão rạng rỡ hẳn lên... Bà lão nói toàn chuyện vui, toàn chuyện sung sướng về sau này*. Cụ cố giấu cái lo để động viên con trai và con dâu: “*Vợ chồng chúng mày liệu mà bảo nhau làm ăn. Rồi may ra mà ông giời cho khá... biết thế nào hở con, ai giàu ba họ, ai khó ba đời? Có ra thì rồi con cái chúng mày về sau...*” Như vậy, tâm trạng (đặc biệt là niềm hi vọng) của bà cụ Tứ đã được diễn tả một cách chân thật, góp phần tạo nên sức hấp dẫn của tác phẩm.

Khi Tràng có vợ, các thành viên trong gia đình thu xếp nhà cửa cho sạch sẽ ngăn nắp hơn, vì *nghĩ rằng thu xếp nhà cửa cho quang quẻ, nền nếp thì cuộc đời họ có thể khác đi, làm ăn khá hơn*. Có vợ, Tràng thấy yêu thương gắn bó với cái nhà của hắn lạ lùng, thấy một nguồn vui sướng, phấn chấn đột ngột tràn ngập trong lòng... Còn ngay lúc thấy Tràng dẫn người đàn bà về, *những khuôn mặt hốc hác u tối của dân xóm ngụ cư bỗng bừng sáng lên. Có cái gì lạ lùng và tươi mát thổi vào cuộc sống đói khát, tăm tối ấy của họ*.

Rõ ràng dù bị cái đói, cái chết rình rập đe dọa, trong không khí âm thầm lương, từ Trảng đến bà cụ Tứ, đến những người ở xóm ngụ cư này vẫn hướng tới tương lai. Điều này góp phần quan trọng khiến cho truyện ngắn *Vợ nhặt* có được giá trị nhân bản sâu sắc.

Thành công quan trọng này có thể được giải thích bằng sự hiểu biết sâu sắc của nhà văn đối với nông dân. Nhưng điều cơ bản hơn có lẽ phải kể đến tấm lòng của một cây bút vốn là con đẻ của đồng ruộng. Theo cách diễn đạt của Nguyên Hồng, Kim Lân chính là nhà văn một lòng đi về với “đất”, với “người”, với “thuần hậu nguyên thủy” của cuộc sống nông dân.

Tuy vậy xét cho cùng, những ý tưởng đúng đắn dẫn cao đẹp nêu trên sẽ không bao giờ có thể lưu lại bền lâu trong độc giả, nếu như nhà văn không tạo nên được một hình thức biểu đạt sắc nét. Qua *Vợ nhặt*, Kim Lân đã thể hiện một nghệ thuật viết truyện ngắn bậc thầy.

Trước hết, tác giả đã sáng tạo được một tình huống truyện độc đáo, hấp dẫn: anh Trảng làm nghề kéo xe, xấu xí, thô kệch chẳng ai thèm lấy, bỗng dung “nhặt” được vợ một cách dễ dàng nhanh chóng, ở ngay giữa đường giữa chợ, nhờ mấy bát bánh đúc riêu cua.

Trong bối cảnh đói khát chết chóc lúc bấy giờ, Trảng có vợ quả là một tình huống éo le, vui buồn lẫn lộn. Lúc này, Trảng nuôi thân mình và mẹ già còn rất khó khăn, huống hồ lại thêm một miệng ăn nữa, biết lấy gì nuôi nôi nhau? Nhưng Trảng xấu xí, ế vợ lại lấy được vợ dễ dàng thì không thể không xem như là điều may mắn.

Tình huống oái ăm này khiến cho những người trong xóm ngụ cư, thậm chí Trảng và cả mẹ Trảng nữa cũng phải ngạc nhiên. Mọi người lo lắng cho tương lai của vợ chồng Trảng: *“Ôi chao! Giời đất này còn rước cái của nợ đời về. Biết có nuôi nôi nhau sống qua được cái thì này không?”*

Hạnh phúc của cặp vợ chồng mới lấy nhau, của gia đình bà cụ Tứ cứ phải diễn ra trong âm hưởng thâm trầm của sự chết chóc. Sự khốn khó còn được nhà văn đặc tả qua một bữa ăn đầu tiên đón nàng dâu mới thật tội nghiệp. Ba mẹ con ăn món cháo cám đắng chát, họ ngồi ăn mà không nhìn nhau.

Tóm lại, Kim Lân đã tạo được một tình huống giàu ý nghĩa có tác dụng làm nổi bật giá trị tư tưởng của tác phẩm. Dường như mọi chi tiết đều xoay quanh tình huống ấy, trong một kết cấu chặt chẽ.

Ngoài ra Kim Lân còn chứng tỏ khả năng phát hiện và diễn tả tâm lí nhân vật khá sắc sảo. Điều đó thể hiện khá rõ qua việc nhà văn xây dựng nhân vật bà cụ Tứ và nhân vật Trảng. Kim Lân đã sử dụng phối hợp nhiều biện pháp để khắc họa tâm lí của hai nhân vật này. Lúc thì ông diễn tả tâm lí qua những biểu hiện bề ngoài (cử chỉ, lời nói, nét mặt... của nhân vật), lúc thì tác giả mô tả trực tiếp những ý nghĩ sâu kín trong nội tâm nhân vật. Chẳng hạn, nhân vật Trảng ở đoạn đầu tác phẩm, khi anh đưa vợ về nhà vào một buổi chiều âm đạm. Tâm lí ngỡ ngàng, phần chần của một anh nông dân quê

kịch nay bỗng “nhặt” được vợ được tác giả miêu tả qua cử chỉ và nét mặt: *Hắn tủm tủm cười nụ một mình và hai mắt thì sáng lên lấp lánh, cái mặt cứ vênh vênh tự đắc với mình. Vợ chồng Tràng đi bên nhau ngượng ngùng trước bao cặp mắt tò mò của dân xóm ngụ cư, Tràng muốn nói gì cho có vẻ thân mật tình tứ, nhưng vụng về lúng túng chẳng biết nói thế nào. Vì e thẹn, ngượng nghịu nên cuộc đối thoại giữa Tràng và cô vợ mới thật rời rạc, toàn nhát gừng cục lõc, không có chuyện nào đến đâu, đến đâu... Bên cạnh đó, nhà văn trực tiếp lột tả diễn biến nội tâm nhân vật: *Tràng hình như quên hết những cảnh sống ê chề tăm tối hàng ngày, quên cả cái đói khát ghê gớm đang đe dọa, quên cả những ngày tháng trước mặt. Trong lòng hắn bây giờ chỉ còn tình nghĩa giữa hắn với người đàn bà đi bên. Một cái gì mới mẻ, lạ lẫm, chưa từng thấy ở người đàn ông nghèo khổ ấy, nó ôm ấp, mơn man khắp da thịt Tràng, tựa hồ như có bàn tay vuốt nhẹ trên sống lưng.**

Việc nhà văn phát hiện và miêu tả sắc sảo tâm lí khiến cho một số nhân vật trong chuyện sống động có sức hấp dẫn người đọc.

Bên cạnh đó, không thể không nói đến giọng văn mộc mạc, giản dị, ngôn ngữ trong truyện được chọn lọc kĩ, nhiều khi rất gần với khẩu ngữ và có giá trị tạo hình. Điều ấy khiến cho thiên truyện có được sức gợi đáng kể (*vẻ mặt phớn phở, dấy phớ úp súp, bước chân ngật ngưỡng, người cong tón, chạy ton ton, cười hềnh hềch...*).

Hơn nữa, cái tên truyện là *Vợ nhặt* cũng bao hàm nhiều ý nghĩa. “Nhặt” được vợ chứng tỏ sự rẻ rúng của thân phận con người. Thì ra nạn đói 1945 khủng khiếp đã biến con người thành như cái rơm rác có thể “nhặt” được ở bên đường. Nhan đề này đã được chọn – cũng giống như nhan đề truyện ngắn *Đôi mắt* của Nam Cao – phù hợp với chủ đề câu chuyện và người đọc thật khó tìm thấy một tên truyện khác thay thế.

Với nội dung tư tưởng sâu sắc, có giá trị nhân bản, với nghệ thuật truyện ngắn đặc sắc, *Vợ nhặt* xứng đáng được xếp vào hàng truyện ngắn hay nhất viết về đề tài nông thôn.

Cùng với một số truyện ngắn sáng tác trước cách mạng và trong kháng chiến chống Pháp *Vợ nhặt* góp phần khẳng định vị trí xứng đáng của nhà văn Kim Lân trong tiến trình phát triển của văn học Việt Nam hiện đại.